

Lợi thế

Việt Nam là một trong những quốc gia có những điều kiện rất thuận lợi để trồng và phát triển cây cà phê. Chưa đầy một thập kỷ, kể từ khi áp dụng các chính sách đổi mới trong nông nghiệp, ngành cà phê Việt Nam đã vươn lên đứng hàng thứ 8 trong các nước sản xuất cà phê trên thế giới vào năm 1994 và đứng hàng thứ 2 trong niên vụ 2000-2001 về sản lượng xuất khẩu, năng suất cà phê Việt Nam xếp vào hạng cao nhất thế giới.

Sự gia tăng sản lượng và năng suất cà phê trong những năm qua đã phần nào chứng minh được tính dồi dào của các yếu tố sản xuất đầu vào của cà phê Việt Nam. Song, cần phải xem xét sự ưu đãi của những yếu tố này như sau.

1. Thổ nhưỡng

Việt Nam có khoảng 10,5 triệu hecta đất nông nghiệp (chiếm 1/3 diện tích cả nước), trong đó có những loại thổ nhưỡng có giá trị kinh tế cao như đất đỏ bazan trải dài từ cao nguyên Trung bộ đến Đông Nam bộ thích hợp để phát triển các loại cây công nghiệp như cà phê, chè, cao su... Theo thống kê của Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, diện tích đất có thể trồng được cà phê trên cả ba loại đất S1 (rất thích hợp để trồng cà phê); S2 (thích hợp trồng cà phê) và S3 (ít thích hợp cho trồng cà phê).

Tổng số diện tích đất có thể trồng được cà phê trong cả nước là 2.368.765 ha, trong đó, hai loại S1 + S2 : 1.084.660 ha, chiếm 46%. Theo số liệu thống kê của Tổng cục thống kê, năm 2000 cả

nước có khoảng 516.700 ha cà phê. Như vậy tiềm năng về đất đai để trồng và phát triển cây cà phê ở nước ta là hết sức to lớn. Nếu chỉ so sánh với hai loại đất S1 và S2 thì chúng ta chỉ khai thác 47%.

Nguồn tài nguyên đất đai là hết sức quan trọng mà không phải quốc gia nào cũng có được, đây là một trong những yếu tố mang tính quyết định Việt Nam rất có lợi thế cạnh tranh về cây cà phê so với các nước khác trên thế giới.

2. Khí hậu

Các tỉnh phía Bắc : nhiệt độ trung bình thấp, thích hợp để trồng cà phê chè. Biên độ nhiệt trung bình 6 - 11°C thích hợp với sự tích lũy chất khô của hạt.

Duyên hải Trung bộ : nhiệt độ trung bình từ 25-27°C, thích hợp với cà phê vối, mùa mưa bắt đầu từ tháng 8 - 9 và kết thúc vào tháng 12 - 1. Lượng mưa giảm từ Bắc vào Nam vì thế yêu cầu nước tưới cũng càng tăng, mưa lớn và bão thường xuất hiện vào các tháng 11 - 12. Các vùng cao có thể trồng cà phê chè, nhưng theo kết quả trồng thử cà phê chè giống Catimor ở những vùng đồi núi thấp như Sơn Hà, Quảng Ngãi vẫn có khả năng sinh trưởng tốt và đạt năng suất trên 1 tấn/ha.

Bắc Tây nguyên : nhiệt độ hơi thấp, khí hậu mát mẻ, có thời kỳ lạnh và có hai mùa mưa nắng rõ rệt. Khí hậu khô mát trùng với thời kỳ phân hóa mầm nẩy, ra hoa kết quả, mùa mưa mát trùng với thời kỳ nuôi quả. Biên độ nhiệt trong ngày trên 11°C, đây là yếu tố chính để chất lượng cà phê thơm ngon.

Nam Tây nguyên : khí hậu mưa mát kéo dài từ tháng 4 đến tháng 11 thuận lợi cho cà phê sinh trưởng và phát triển, nhiệt độ và số giờ nắng rất thích hợp với cà phê chè. Nhiệt độ thấp, lượng nước bốc hơi ít so với các vùng khác của Tây nguyên nên phần lớn trồng cà phê ở đây không cần nước tưới. Đây là một trong những yếu tố quan trọng góp phần làm giảm giá thành sản xuất.

Đông Nam bộ : khí hậu nhiệt đới rõ rệt, bao gồm hai loại hình khô nóng và mưa nóng. Khô nóng kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4, nhiệt độ trên 25°C, lượng mưa ít. Loại hình mưa nóng kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, độ ẩm đảm bảo cho cà phê vối sinh trưởng tốt.

Đánh giá chung : khí hậu Việt Nam rất thích hợp để phát triển cây cà phê trên tất cả các vùng, nhất là Tây nguyên và Đông Nam bộ. Những lợi điểm về khí hậu là yếu tố hết sức quan trọng tạo nên lợi thế cạnh tranh của ngành cà phê mà cho dù có can thiệp bằng những tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại cũng không thể thực hiện được. Nghiên cứu điều kiện khí hậu từng vùng, áp dụng các phương pháp trồng, chăm sóc một cách khoa học, thích hợp với từng nơi thì chắc chắn năng suất cà phê Việt Nam nói chung sẽ còn cao hơn nữa.

3. Lao động

Theo kết quả điều tra ngày 01.04.1999, tổng dân số của Việt Nam là 76,5 triệu người, đứng thứ 13 trong hơn 220 quốc gia trên thế giới, trong đó dân số nông thôn chiếm 76,5%, lao động trong nông nghiệp chiếm 72,9%.

Chỉ tính riêng trong các địa phương có điều kiện sản xuất cà phê, con số lao động thường xuyên thiếu việc làm cũng đã lên tới 6,28 triệu. Duy trì và ổn định ngành cà phê không những đem lại nguồn lợi xuất khẩu cho quốc gia, sử dụng hiệu quả đất đai mà còn giải quyết được công ăn việc làm cho hàng triệu người thường xuyên thiếu việc làm ở các vùng nông thôn trong cả nước, góp phần xóa đói giảm nghèo, rút ngắn dần khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn.

Đánh giá việc khai thác lợi thế

Xét cả ba yếu tố (đất đai, khí hậu, lao động) và các số liệu

LỢI THẾ CẠNH TRANH CỦA CÀ PHÊ VIỆT NAM

Thạc sĩ TRẦN NGỌC HƯNG



thống kê năng suất cà phê một số nước cho thấy Việt Nam có nhiều ưu thế để phát triển cây cà phê. Điều này cũng đã được thực tế chứng minh. Qua hơn 10 năm thật sự phát triển, cà phê đã trở thành một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Tuy nhiên, mục tiêu xây dựng một ngành sản xuất cà phê bền vững và hiệu quả vẫn còn nhiều thách thức. Lợi thế về điều kiện tự nhiên rất thuận lợi cho cà phê Việt Nam, nhưng chúng ta thiếu chiến lược phát triển, sự mất cân đối giữa trồng trọt và năng lực chế biến là nguyên nhân chính dẫn đến chất lượng cà phê xấu, sức cạnh tranh giảm, tính bền vững không được đảm bảo.

Cải tiến chất lượng cà phê Việt Nam luôn là vấn đề được nêu ra hàng năm, nhưng đầu vào và đầu ra của cà phê Việt Nam vẫn luôn chịu thiệt thòi về giá so với cà phê cùng loại của các nước khác. Theo đánh giá chung, công nghệ chế biến của ngành cà phê Việt Nam không theo kịp với sự phát triển của sản lượng, hay có thể nói cách khác là ngành cà phê Việt Nam phát triển một cách thiếu đồng bộ. Sự chênh lệch quá xa giữa mức sản lượng và năng lực chế biến làm nảy sinh những sản phẩm tạm bợ, những nhà kho tận dụng không đúng quy cách, những công cụ chế biến thô sơ và cuối cùng là những sản phẩm có chất lượng không cao và không ổn định.

Trong những năm trước, khi giá cà phê nhân xuất khẩu còn cao, người ta mở rộng diện tích trồng cà phê một cách ồ ạt, ngay cả trên những vùng đất ít thích hợp để trồng cà phê, tất nhiên vẫn thu được nhiều lợi nhuận dù năng suất thấp hơn các vùng đất khác. Lợi nhuận cao đã làm cho người sản xuất cà phê hầu như không chú ý đến quy trình thu hoạch, bảo quản. Họ thu hoạch quả chín và xanh lẫn lộn, điều này không những làm giảm sản lượng mà còn ảnh hưởng rất xấu đến chất lượng cà phê trong công đoạn chế biến.

Cà phê được trồng rải rác trên tất cả các tỉnh mà chưa có một quy hoạch tập trung nhằm tạo điều kiện dễ dàng để thực hiện những chính sách tác động khi cần thiết, cũng như dễ dàng phát triển công nghiệp chế biến tập trung và hạn chế sự lẫn lộn trong sản phẩm xuất khẩu làm giảm chất lượng cà phê, đồng thời giảm được những chi phí trung gian trong vận chuyển, mua gom cà phê...

Lợi thế của các yếu tố sản xuất đầu vào của cà phê Việt Nam là không thể phủ nhận, song chưa phát huy được hiệu quả như mong muốn. Có thể nói rằng, việc sử dụng các nguồn lực chưa hợp lý làm hạn chế khả năng cạnh tranh của cà phê Việt Nam trên thị trường thế giới.

Đánh giá khả năng cạnh tranh của cà phê Việt Nam

Chúng ta có thể đánh giá, so sánh khả năng cạnh tranh của cà phê Việt Nam với các nước sản xuất cà phê trên thế giới căn cứ vào sự phong phú của các yếu tố như đất đai, khí hậu, con người, hạ tầng kỹ thuật, cách thức tổ chức sản xuất... Xét cho cùng, sản lượng đầu ra nhiều hay ít, hiệu quả sản xuất cao hay thấp của một ngành là kết quả phản ánh mức độ dư dật hay khan hiếm những yếu tố sản xuất của ngành đó, của một nước so với nước khác. Như vậy, chúng ta có hai hướng tiếp cận: hướng tiếp cận về lượng và hướng tiếp cận về chất, được phân tích sau đây.

1. So sánh về lượng

Theo hướng tiếp cận này, những nước có nhiều diện tích đất canh tác, khí hậu thích hợp để sản xuất cà phê (sự dồi dào của các nguồn lực đầu vào), cho ra nguồn sản lượng lớn cung cấp cho thị trường thế giới, sẽ có khả năng cạnh tranh cao hơn các nước khác. Nói cách khác, nếu sản lượng cà phê xuất khẩu lớn thì tất nhiên thị phần cũng lớn và do đó, khả năng cạnh tranh cao.

Chúng ta hãy xem xét sản lượng xuất khẩu của một số nước

sản xuất cà phê trên thế giới qua bảng số liệu sau.

Bảng 1: 10 nước xuất khẩu cà phê hàng đầu trên thế giới giai đoạn 1996 - 2000

Đơn vị tính: 1.000 tấn

Quốc gia	1996	1997	1998	1999	2000	
					Sản lượng	%Thị phần
Brazil	918	1.010	1.089	1.388	1.081	20,27%
Việt Nam	227	371	386	465	696	13,05%
Colombia	635	655	675	600	551	10,33%
Cote d'Ivoire	165	254	239	132	355	6,66%
Mexico	278	270	204	261	318	5,96%
Indonesia	386	345	336	304	312	5,85%
Guatemala	239	255	212	281	291	5,46%
Ấn Độ	187	158	209	217	269	5,04%
Honduras	124	103	140	119	173	3,24%
El Salvador	139	166	101	113	152	2,85%

Nguồn: ICO, năm 2001

Số liệu thống kê sản lượng xuất khẩu cà phê thế giới năm 2000 cho thấy, trong vòng 4 năm, sản lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam đã tăng hơn gấp 3 lần, Việt Nam đã vượt hẳn Colombia và Indonesia, chiếm 13,05% tổng sản lượng cà phê xuất khẩu toàn thế giới, chỉ sau Brazil.

Lợi thế về đất đai của Việt Nam so với các nước khác còn được thể hiện một cách thuyết phục qua số liệu về năng suất cà phê trong bảng sau:

Bảng 2: Năng suất cà phê của một số nước năm 1999

Tên nước	Năng suất kg/ha	Hệ số so với Việt Nam
Brazil	792	0,38
Colombia	924	0,44
Việt Nam	2.101	1
Indonesia	738	0,35
Ấn Độ	967	0,46
Mexico	368	0,18
Uganda	525	0,25
Venezuela	300	0,14

(Nguồn: ACPC, ICO, CommodityExpert.com, niên giám thống kê 2000)

Năng suất cà phê Việt Nam vượt xa năng suất của các nước sản xuất cà phê trên thế giới, kể cả những nước luôn dẫn đầu về sản lượng như Brazil, Colombia, Indonesia. Hầu hết năng suất cà phê các nước đạt dưới 1 tấn/ha trong khi cà phê Việt Nam đã đạt mức 2,1 tấn/ha. Đất đai, cùng với điều kiện khí hậu thích hợp, là hai yếu tố quan trọng giúp cho năng suất và sản lượng cà phê Việt Nam liên tục tăng cao trong những năm gần đây.

Như vậy, hướng tiếp cận này cho thấy năng lực cạnh tranh của ngành cà phê Việt Nam rất cao - đứng thứ nhì thế giới chỉ sau Brazil.

2. So sánh về chất

Nếu như hướng tiếp cận về lượng là sự so sánh, đánh giá mức độ dồi dào của các yếu tố sản xuất thì hướng tiếp cận về chất sẽ phân tích xem các yếu tố sản xuất đó được sử dụng như thế nào. Những nước có khả năng cạnh tranh cao sẽ sản xuất ra những sản phẩm có giá thành thấp hơn các nước khác và quan trọng hơn cả là chất lượng sản phẩm tốt để có thể đạt được hiệu quả trong kinh doanh.

Trước hết chúng ta hãy so sánh chi phí sản xuất tính trên một tấn cà phê của một số nước như sau:

Bảng 3: Chi phí sản xuất cà phê tính trên 1 tấn sản phẩm

Đơn vị tính : USD/tấn

Quốc gia	Chi phí USD/tấn	Loại cà phê	Hệ số so với Việt Nam
Indonesia	397	Vối	0,91
Việt Nam	435	Vối	1
Ấn Độ	637	Vối	1,46
Thái Lan	674	Vối	1,55
Uganda	805	Vối	1,85
Brazil	933	Chè	2,14
Ấn Độ	1.188	Chè	2,73
Mexico	1.411	Chè	3,24
Ethiopia	1.600	Chè	3,68
Colombia	1.644	Chè	3,78

(Nguồn: ACPC, CommodityExpert.com, khảo sát thực tế tại Đắk Lắk-2000)

Số liệu thống kê cho thấy Indonesia là nước có chi phí sản xuất cà phê thấp nhất thế giới, kể đến là Việt Nam. Đến đây chúng ta chưa thể kết luận được sức cạnh tranh của từng nước như thế nào mà còn phải xem xét giá bán sản phẩm của các nước ra sao.

Theo thống kê của ICO, giá bán cà phê của các nước nêu trên như sau :

Bảng 4: Giá xuất khẩu cà phê một số nước trên thế giới đầu năm 2000

Quốc gia	US Cents/lb	Loại cà phê	Hệ số so với Việt Nam
Indonesia	41,94	Vối	1,01
Việt Nam	41,39	Vối	1
Ấn Độ	53,01	Vối	1,28
Thái Lan	38,20	Vối	0,92
Uganda	60,38	Vối	1,46
Brazil	96,71	Chè	2,34
Ấn Độ	72,33	Chè	1,75
Mexico	91,97	Chè	2,22
Ethiopia	83,62	Chè	2,02
Colombia	96,73	Chè	2,34

(Nguồn : ICO, năm 2001)

Giá cà phê xuất khẩu trên thế giới luôn cao hơn cà phê Việt Nam, ngay cả cà phê cùng loại của Indonesia và Ấn Độ. Điều này cho thấy chất lượng và chế biến của Việt Nam chưa cao, nó thể hiện trình độ công nghệ và thiết bị chế biến cà phê Việt Nam chưa bắt kịp các nước. Sự không đồng đều về chất lượng sản phẩm của các lô hàng là một trong những điểm yếu của chất lượng cà phê Việt Nam làm cho giá bán thấp.

Xét về khía cạnh chất lượng sản phẩm, cà phê Việt Nam có sức cạnh tranh rất yếu, điều này được thể hiện rõ nét qua bảng thống kê về giá xuất khẩu (Bảng 4), nhưng đó không phải là vấn đề mang tính quyết định cho năng lực cạnh tranh của ngành cà phê Việt Nam, mà chúng ta cần phải xét thêm một chỉ tiêu mang tính kết hợp giữa giá xuất khẩu và chi phí sản xuất. Đây là một chỉ tiêu tương đối nhằm so sánh hiệu quả sản xuất của một nước so với các nước khác, nó được tính toán bằng cách chia hệ số giá cho hệ số chi phí. Chúng ta gọi chỉ tiêu này là "hệ số cạnh tranh". Kết hợp số liệu của hai bảng số liệu trên chúng ta có kết quả sau:

Bảng 5: So sánh năng lực cạnh tranh về mặt hàng cà phê của một số nước năm 2000

Quốc gia	Hệ số giá	Hệ số chi phí	Hệ số cạnh tranh	Loại cà phê
Indonesia	1,01	0,91	1,11	Vối
Brazil	2,34	2,14	1,09	Chè
Việt Nam	1	1,00	1,00	Vối
Ấn Độ	1,28	1,46	0,88	Vối
Uganda	1,46	1,85	0,79	Vối
Mexico	2,22	3,24	0,69	Chè
Ấn Độ	1,75	2,73	0,64	Chè
Colombia	2,34	3,78	0,62	Chè
Thái Lan	0,92	1,55	0,59	Vối
Ethiopia	2,02	3,68	0,55	Chè

Theo bảng trên chúng ta thấy rằng, hệ số cạnh tranh của nước các nước so với Việt Nam chính là sự so sánh tỉ lệ giữa giá bán/chi phí của các nước so với giá bán/chi phí của Việt Nam, trong điều kiện Việt Nam hoà vốn. Như vậy, những nước có hệ số cạnh tranh lớn hơn 1 sẽ có sức cạnh tranh cao hơn Việt Nam và ngược lại.

Theo số liệu tính toán, ngành cà phê Việt Nam có lợi thế cạnh tranh rất cao, chỉ sau Indonesia và Brazil, nhưng mức chênh lệch không lớn lắm. Sự khác nhau về hệ số cạnh tranh dẫn đến năng lực cạnh tranh trên thị trường cà phê thế giới của từng nước cũng khác nhau. Ví dụ : có hai sản phẩm cà phê cùng chất lượng như nhau được đưa ra thị trường để lựa chọn; một của Indonesia và một của Việt Nam. Nếu việc tiêu thụ thật sự dễ dàng (cung = cầu), hai sản phẩm trên được bán với giá bằng nhau là 1.000 USD/tấn, nhưng nếu có sự cạnh tranh để giành thị phần thì nhà xuất khẩu cà phê Indonesia có thể hạ giá bán xuống còn 1.000/1,11 = 901 USD/tấn mà vẫn thu được một khoản lợi nhuận tương đương với cà phê Việt Nam bán ở mức giá 1.000 USD/tấn. Trong trường hợp này, cà phê Indonesia có sức cạnh tranh cao hơn cà phê Việt Nam.

Kết luận

Xem xét, đánh giá năng lực cạnh tranh của cà phê Việt Nam so với các nước sản xuất cà phê trên thế giới qua hai hướng tiếp cận trên, chúng ta đều thấy rằng cà phê Việt Nam có sức cạnh tranh rất cao, đứng thứ nhì về sản lượng xuất khẩu và đứng thứ ba về hiệu quả sản xuất.

Tuy nhiên, khả năng cạnh tranh của cà phê Việt Nam còn cao hơn nữa nếu chúng ta khắc phục được những hạn chế trong các khâu từ trồng trọt, thu hoạch, bảo quản đến chế biến xuất khẩu. Những hạn chế này có thể được tóm tắt như sau :

* Thiếu sự điều tiết hợp lý nên lợi nhuận nông nghiệp của cây cà phê trở thành một mảnh lực làm gia tăng diện tích trồng một cách ồ ạt trong những năm qua. Cà phê được trồng trên những vùng đất không thích hợp, năng suất thấp.

* Sự lạm dụng phân bón, thuốc trừ sâu không những làm cho chi phí sản xuất tăng mà còn ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

* Hệ thống sản phơi, nhà kho, thiết bị chế biến không được phát triển đồng bộ cho nên chất lượng sản phẩm luôn thấp hơn sản phẩm cùng loại của các nước khác.

* Thu hoạch không được thực hiện đúng quy trình, thu hoạch quả xanh còn phổ biến làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cà phê xuất khẩu.

Khắc phục được những hạn chế này nhất định chất lượng cà phê sẽ được cải thiện, chi phí sản xuất giảm, năng suất bình quân tăng và tất nhiên năng lực cạnh tranh sẽ được gia tăng đáng kể ■